

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán

Số tín chỉ: 3

Mã học phần: 71ACCT20023

Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20023_09,10, 11

Thời gian làm bài: 75 phút

Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận

SV được tham khảo tài liệu:

Có (chỉ được sử dụng tài liệu giấy)

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

Dự phòng

I. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	35%	Câu 1,2,3,4,5,6,7,14,19,20	3,5	PI1.2
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	35%	Câu 8,9,10,11,12,13,15,16,17,18	3,5	PI2.2
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI8.1

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71ACCT20023	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20023_09,10, 11
Thời gian làm bài: 75 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> chỉ được sử dụng tài liệu giấy Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/> Dự phòng <input checked="" type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)

Câu 1: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Thông tin về tình hình tài chính của công ty ANY như sau, hãy cho biết tổng tài sản của công ty là bao nhiêu?

Đơn vị tính: Đồng

Phải trả người lao động	45.000.000	Phải trả cho người bán	20.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	75.000.000	Vay	30.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000	Phải thu khách hàng	80.000.000
Công cụ dụng cụ	30.000.000	Hàng hóa	120.000.000
Tài sản cố định hữu hình	450.000.000	Tiền gửi ngân hàng	160.000.000
Hao mòn tài sản cố định	150.000.000	Tiền mặt	80.000.000

- A. 770.000.000 đồng
B. 1.070.000.000 đồng
C. 470.000.000 đồng
D. 300.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu : Thông tin về tình hình tài chính của công ty G&M như sau, hãy cho biết tổng tài sản ngắn hạn của công ty là bao nhiêu?

Đơn vị tính: Đồng

Phải trả người lao động	45.000.000	Phải trả cho người bán	20.000.000
-------------------------	------------	------------------------	------------

Lợi nhuận chưa phân phối	75.000.000	Vay	30.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000	Phải thu khách hàng	80.000.000
Công cụ dụng cụ	30.000.000	Hàng hóa	120.000.000
Tài sản cố định hữu hình	450.000.000	Tiền gửi ngân hàng	160.000.000
Hao mòn tài sản cố định	150.000.000	Tiền mặt	90.000.000

- A. 470.000.000 đồng
- B. 300.000.000 đồng
- C. 770.000.000 đồng
- D. 1.070.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm cho tổng tài sản và tổng nguồn vốn của phương trình kế toán cùng TĂNG:

- A. Chủ sở hữu góp vốn vào công ty 450 triệu đồng bằng tiền gửi ngân hàng
- B. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 90 triệu đồng
- C. Khách hàng chuyển khoản trả nợ tháng trước 100 triệu đồng
- D. Chuyển khoản trả nợ vay ngắn hạn 15 triệu đồng

ANSWER: A

Câu : Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm cho tổng tài sản và tổng nguồn vốn của phương trình kế toán cùng GIẢM:

- A. Chuyển khoản trả nợ vay ngắn hạn 15 triệu đồng
- B. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 90 triệu đồng
- C. Khách hàng chuyển khoản trả nợ tháng trước 100 triệu đồng
- D. Chủ sở hữu góp vốn vào công ty 450 triệu đồng bằng tiền gửi ngân hàng

ANSWER: A

Câu 3: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Nghiệp vụ “Chi tiền mặt thanh toán lương tháng trước cho nhân viên bán hàng 105.000.000 đồng” ảnh hưởng như thế nào đến phương trình kế toán?

- A. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn cùng giảm 105.000.000 đồng
- B. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn cùng tăng 105.000.000 đồng
- C. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn không thay đổi

D. Làm cho tổng Tài sản giảm 105.000.000 đồng và Nguồn vốn tăng 105.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu : Nghiệp vụ “Vay ngân hàng 105.000.000 đồng thanh toán lương tháng trước cho nhân viên” ảnh hưởng như thế nào đến phương trình kế toán?

A. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn không thay đổi

B. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn cùng tăng 105.000.000 đồng

C. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn cùng giảm 105.000.000 đồng

D. Làm cho tổng Tài sản tăng 105.000.000 đồng và Nguồn vốn giảm 105.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Ngày 31/12/2023, công ty Ngọc Linh mua một thiết bị sản xuất với giá mua là 650.000.000 đồng, đã chuyển khoản thanh toán. Chi phí vận chuyển thiết bị về nhập kho là 5.000.000 đồng, chi phí lắp đặt chạy thử là 12.000.000 đồng, sẽ được thanh toán sau 30 ngày. Dựa trên nguyên tắc giá gốc, công ty Ngọc Linh báo cáo giá trị tài sản trên bảng bao nhiêu?

A. 667.000.000 đồng

B. 650.000.000 đồng

C. 655.000.000 đồng

D. 662.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Ngày 30/06/2023, công ty Ngọc Anh mua một thiết bị sản xuất với giá mua là 650.000.000 đồng, đã chuyển khoản thanh toán. Chi phí vận chuyển thiết bị về nhập kho là 10.000.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt lúc nhận hàng. Chi phí lắp đặt chạy thử là 12.000.000 đồng, sẽ được thanh toán sau 30 ngày. Dựa trên nguyên tắc giá gốc, công ty Ngọc Anh báo cáo giá trị tài sản trên bảng bao nhiêu?

A. 672.000.000 đồng

B. 660.000.000 đồng

C. 662.000.000 đồng

D. 650.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Ngày 31/12/2023, công ty K có tình hình tài chính như sau, hãy cho biết tổng tài sản ngắn hạn và tổng tài sản dài hạn của công ty K là bao nhiêu?

Đơn vị tính: Đồng

Phải trả người lao động	280.000.000	Phải trả cho người bán	220.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	150.000.000	Vay	150.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	650.000.000	Phải thu khách hàng	50.000.000
Công cụ dụng cụ	50.000.000	Hàng hóa	80.000.000
Tài sản cố định hữu hình	1.000.000.000	Tiền gửi ngân hàng	120.000.000
Hao mòn tài sản cố định	100.000.000	Tiền mặt	250.000.000

- A. Tổng tài sản ngắn hạn: 550.000.000 đồng và tổng tài sản dài hạn: 900.000.000 đồng
B. Tổng tài sản ngắn hạn: 550.000.000 đồng và tổng tài sản dài hạn: 1.100.000.000 đồng
C. Tổng tài sản ngắn hạn: 1.100.000.000 đồng và tổng tài sản dài hạn: 550.000.000 đồng
D. Tổng tài sản ngắn hạn: 900.000.000 đồng và tổng tài sản dài hạn: 50.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Ngày 31/12/2023, công ty D có tình hình tài chính như sau, hãy cho biết tổng nợ phải trả và tổng vốn chủ sở hữu của công ty D là bao nhiêu?

Đơn vị tính: Đồng

Phải trả người lao động	280.000.000	Phải trả cho người bán	220.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	150.000.000	Vay	150.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	650.000.000	Phải thu khách hàng	50.000.000
Công cụ dụng cụ	50.000.000	Hàng hóa	80.000.000
Tài sản cố định hữu hình	1.000.000.000	Tiền gửi ngân hàng	120.000.000
Hao mòn tài sản cố định	100.000.000	Tiền mặt	250.000.000

- A. Tổng Nợ phải trả: 650.000.000 đồng và tổng Vốn chủ sở hữu: 800.000.000 đồng
B. Tổng Nợ phải trả: 800.000.000 đồng và tổng Vốn chủ sở hữu: 650.000.000 đồng
C. Tổng Nợ phải trả: 550.000.000 đồng và tổng Vốn chủ sở hữu: 900.000.000 đồng
D. Tổng Nợ phải trả: 900.000.000 đồng và tổng Vốn chủ sở hữu: 550.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Trong kỳ phát sinh nghiệp vụ kinh tế: Nợ TK 131: 200.000.000; Nợ TK 112: 300.000.000/ Có TK 511: 500.000.000

Vậy cuối kỳ, kế toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định kết quả kinh doanh là:

- A. Nợ TK 511: 500.000.000/ Có TK 911: 500.000.000
- B. Nợ TK 911: 200.000.000/ Có TK 511: 200.000.000
- C. Nợ TK 911: 300.000.000/ Có TK 511: 300.000.000
- D. Nợ TK 911: 500.000.000/ Có TK 511: 500.000.000

ANSWER: A

Câu: Trong kỳ phát sinh nghiệp vụ kinh tế: Nợ TK 111: 50.000.000; Nợ TK 131: 20.000.000/ Có TK 515: 70.000.000

Vậy cuối kỳ, kế toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu hoạt động tài chính” để xác định kết quả kinh doanh là:

- A. Nợ TK 515: 70.000.000/ Có TK 911: 70.000.000
- B. Nợ TK 515: 50.000.000/ Có TK 911: 50.000.000
- C. Nợ TK 515: 20.000.000/ Có TK 911: 20.000.000
- D. Nợ TK 911: 70.000.000/ Có TK 515: 70.000.000

ANSWER: A

Câu 7: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N, chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” là (390.000.000) đồng. Với kết quả kinh doanh như vậy sẽ làm cho chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N của công ty sẽ:

- A. Giảm 390.000.000 đồng
- B. Bằng 390.000.000 đồng
- C. Tăng 390.000.000 đồng
- D. Không thay đổi

ANSWER: A

Câu: Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N, chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” là 190.000.000 đồng. Với kết quả kinh doanh như vậy sẽ làm cho chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N của công ty sẽ:

- A. Tăng 190.000.000 đồng
- B. Bằng 190.000.000 đồng
- C. Giảm 190.000.000 đồng
- D. Không thay đổi

ANSWER: A

Câu 8: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Nghiệp vụ “Nhận giấy báo có 20 triệu đồng do khách hàng thanh toán tiền nợ tháng trước” được kế toán ghi sổ nhật ký như thế nào?

- A. Nợ TK 112 / Có TK 131
- B. Nợ TK 131 / Có TK 112
- C. Nợ TK 331 / Có TK 112
- D. Nợ TK 112 / Có TK 331

ANSWER: A

Câu : Nghiệp vụ “Vay ngắn hạn ngân hàng 80 triệu đồng r nợ người bán” được kế toán ghi sổ nhật ký như thế nào?

- A. Nợ TK 331/ Có TK 341
- B. Nợ TK 341/ Có TK 331
- C. Nợ TK 334/ Có TK 341
- D. Nợ TK 341/ Có TK 334

ANSWER: A

Câu 9: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Ngày 07/04/2023, công ty YEN xuất kho hàng hóa gồm 150 sản phẩm bán cho khách hàng A với giá bán 4.000.000 đồng/sp, giá xuất kho 2.800.000 đồng/sp. Khách hàng A chưa thanh toán tiền. Kế toán công ty Y ghi sổ nhật ký nghiệp vụ ngày 07/04/N như thế nào?

A.

Nợ TK 632	420.000.000	và	Nợ TK 131	600.000.000
Có TK 156	420.000.000		Có TK 511	600.000.000

B.

Nợ TK 632	600.000.000	và	Nợ TK 131	420.000.000
Có TK 156	600.000.000		Có TK 511	420.000.000

C.

Nợ TK 632	420.000.000	và	Nợ TK 131	600.000.000
Có TK 511	420.000.000		Có TK 155	600.000.000

D.

Nợ TK 131	420.000.000	và	Nợ TK 632	600.000.000
Có TK 156	420.000.000		Có TK 511	600.000.000

ANSWER: A

Câu : Ngày 02/06/2023, công ty YEN xuất kho hàng hóa gồm 150 sản phẩm bán cho khách hàng A với giá bán 4.500.000 đồng/sp, giá xuất kho 2.640.000 đồng/sp. Khách hàng A chưa thanh toán tiền. Kế toán công ty Y ghi sổ nhật ký nghiệp vụ ngày 02/06/N như thế nào?

A.

Nợ TK 632	396.000.000	và	Nợ TK 131	675.000.000
Có TK 156	396.000.000		Có TK 511	675.000.000

B.

Nợ TK 632	675.000.000	và	Nợ TK 131	396.000.000
Có TK 156	675.000.000		Có TK 511	396.000.000

C.

Nợ TK 632	396.000.000	và	Nợ TK 131	675.000.000
Có TK 511	396.000.000		Có TK 155	675.000.000

D.

Nợ TK 131	396.000.000	và	Nợ TK 632	675.000.000
Có TK 156	396.000.000		Có TK 511	675.000.000

ANSWER: A

Câu 10: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Ngày 01/05/2023, công ty MY ký hợp đồng cho khách hàng N thuê một nhà xưởng trong vòng 2 năm bắt đầu từ tháng 05/2023, với giá cho thuê 18.000.000 đồng/tháng. Công ty MY đã nhận được tiền khách hàng NY chuyển khoản thanh toán trước tiền thuê nhà xưởng trong năm đầu tiên. Kế toán công ty MY ghi sổ nhật ký nghiệp vụ ngày 01/05/2023 như thế nào? Biết rằng kỳ kế toán công ty là tháng.

A.

Nợ TK 112	216.000.000
Có TK 3387	216.000.000

B.

Nợ TK 112	18.000.000
Có TK 511	18.000.000

C.

Nợ TK 3387	18.000.000
------------	------------

Có TK 511	18.000.000
-----------	------------

D.

Nợ TK 112	432.000.000
Có TK 511	432.000.000

ANSWER: A

Câu : Ngày 01/07/2023, công ty MY ký hợp đồng cho khách hàng N thuê một nhà xưởng trong vòng 2 năm bắt đầu từ tháng 07/2023, với giá cho thuê 13.000.000 đồng/tháng. Công ty MY đã nhận được tiền khách hàng NY chuyển khoản thanh toán trước tiền thuê nhà xưởng trong năm đầu tiên. Kế toán công ty MY ghi sổ nhật ký nghiệp vụ ngày 01/07/2023 như thế nào? Biết rằng kỳ kế toán công ty là tháng

A.

Nợ TK 112	156.000.000
Có TK 3387	156.000.000

B.

Nợ TK 112	13.000.000
Có TK 511	10.000.000

C.

Nợ TK 3387	13.000.000
Có TK 511	10.000.000

D.

Nợ TK 112	312.000.000
Có TK 511	312.000.000

ANSWER: A

Câu 11: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Công ty XYZ có tình hình kế toán như sau: (Đơn vị tính: Nghìn đồng)

TK 112		TK 131		TK 156	
<u>130.000</u>		<u>35.000</u>		<u>115.000</u>	
(c) 85.000	40.000 (e)	(g) 55.000	32.000 (d)	(f) 70.000	
(d) 32.000	70.000 (f)				45.000 (h)
TK 331		TK 632		TK 511	
	<u>72.000</u>				
(e) 40.000		(h) 45.000			85.000 (c)
					55.000 (g)

Hãy cho biết nội dung kinh tế của **ng nghiệp vụ (g)** trong sơ đồ chữ “T” các tài khoản trên:

- A. Bán 1 lô hàng cho khách hàng trị giá 55.000.000 đồng, khách hàng chưa thanh toán tiền
- B. Mua một lô hàng hóa nhập kho trị giá 55.000.000 đồng, chưa trả tiền người bán
- C. Vay ngân hàng để mua 1 lô hàng hóa trị giá 55.000.000 đồng
- D. Chuyển khoản mua một lô hàng hóa nhập kho trị giá 55.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu : Công ty XYZ có tình hình kế toán như sau: (Đơn vị tính: Nghìn đồng)

TK 112		TK 131		TK 156	
<u>130.000</u>		<u>35.000</u>		<u>115.000</u>	
(c) 85.000	40.000 (e)	(g) 55.000	32.000 (d)	(f) 70.000	
(d) 32.000	70.000 (f)				45.000 (h)
TK 331		TK 632		TK 511	
	<u>72.000</u>				
(e) 40.000		(h) 45.000			85.000 (c)
					55.000 (g)

Hãy cho biết nội dung kinh tế của **ng nghiệp vụ (h)** trong sơ đồ chữ “T” các tài khoản trên:

- A. Xuất kho 1 lô hàng hóa trị giá 45.000.000 đồng bán cho khách hàng
- B. Công ty chuyển khoản 45.000.000 đồng thanh toán tiền cho người bán
- C. Vay ngân hàng để mua 1 lô hàng hóa trị giá 45.000.000 đồng
- D. Mua một lô hàng hóa nhập kho trị giá 45.000.000 đồng chưa thanh toán cho người bán

ANSWER: A

Câu 12: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Công ty XYZ có tình hình kế toán như sau: (Đơn vị tính: đồng)

TK 242			TK 414		
Nợ		Có	Nợ		Có
	80.000.000				80.000.000
(02/06)	70.000.000				75.000.000 (12/0
		30.000.000 (03/06)	(13/06)	35.000.000	
		20.000.000 (16/06)			

Số dư cuối kỳ của TK 242 và TK 414 lần lượt là:

- A. 100.000.000 đồng và 120.000.000 đồng
- B. 60.000.000 đồng và 40.000.000 đồng
- C. 120.000.000 đồng và 100.000.000 đồng
- D. 40.000.000 đồng và 60.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu : Công ty XYZ có tình hình kế toán như sau: (Đơn vị tính: đồng)

TK 155			TK 331		
Nợ		Có	Nợ		Có
	350.000.000				120.000.000
(02/06)	150.000.000				75.000.000 (12
		80.000.000 (03/06)	(13/06)	45.000.000	
		60.000.000 (16/06)	(18/06)	55.000.000	

Số dư cuối kỳ của TK 155 và TK 331 lần lượt là:

- A. 360.000.000 đồng và 95.000.000 đồng
- B. 340.000.000 đồng và 145.000.000 đồng
- C. 95.000.000 đồng và 360.000.000 đồng
- D. 145.000.000 đồng và 340.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 13: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Kế toán của công ty Y đã ghi sổ nhật ký như sau:

Nợ TK 331	100.000.000		
		Có TK 341	100.000.000

Nội dung kinh tế của bút toán nhật ký trên là:

- A. Công ty vay ngân hàng 100.000.000 đồng thanh toán nợ cho người bán

- B. Công ty vay ngân hàng 100.000.000 đồng thanh toán lương tháng trước cho nhân viên
- C. Công ty chuyển khoản 100.000.000 thanh toán khoản nợ vay ngân hàng
- D. Công ty chuyển khoản 100.000.000 đồng thanh toán lãi vay ngân hàng

ANSWER: A

Câu : Kế toán của công ty Y đã ghi sổ nhật ký như sau:

Nợ TK 211	125.000.000	
		Có TK 331
		125.000.000

Nội dung kinh tế của bút toán nhật ký trên là:

- A. Mua 1 máy móc sản xuất dùng cho phân xưởng trị giá 125.000.000 đồng, chưa trả tiền người bán
- B. Mua máy móc sản xuất trị giá 125.000.000 đồng trả ngay bằng tiền gửi ngân hàng
- C. Vay ngân hàng 125.000.000 đồng để mua 1 máy móc sản xuất dùng cho phân xưởng
- D. Trích khấu hao tài sản cố định của tháng này là 225.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 14: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Ngày 31/1/2023, tài khoản “Tiền mặt” có số dư là 200.000.000 đồng. Trong tháng 1/2023, tổng số phát sinh bên Có là 145.000.000 đồng, tổng số phát sinh bên Nợ là 90.000.000 đồng. Số dư tài khoản “Tiền gửi ngân hàng” vào ngày 1/1/2023 là bao nhiêu?

- A. 255.000.000 đồng
- B. 235.000.000 đồng
- C. 290.000.000 đồng
- D. 345.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu : Ngày 31/1/N, tài khoản “Tiền mặt” có số dư là 200.000.000 đồng. Trong tháng 1/2023, tổng số phát sinh bên Có là 45.000.000 đồng, tổng số phát sinh bên Nợ là 90.000.000 đồng. Số dư tài khoản “Tiền gửi ngân hàng” vào ngày 1/1/2023 là bao nhiêu?

- A. 155.000.000 đồng
- B. 135.000.000 đồng
- C. 290.000.000 đồng
- D. 245.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 15: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Ngày 1/8/2023, công ty FPT ký hợp đồng cung cấp dịch vụ internet cho khách hàng A trong 1 một năm (bắt đầu từ ngày 01/06/2023) với mức phí 300.000 đồng/tháng và tiền sẽ thu hết một lần vào ngày kết thúc hợp đồng (31/05/2024). Kế toán công ty FPT ghi nhận bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán năm, kết thúc vào ngày 31/12/2023 như thế nào?

A. Nợ TK 131 1.500.000

Có TK 511 1.500.000

B. Nợ TK 112 1.500.000

Có TK 3387 1.500.000

C. Nợ TK 3387 300.000

Có TK 511 300.000

D. Nợ TK 131 300.000

Có TK 511 300.000

ANSWER: A

Câu: Ngày 1/03/2023, công ty FPT ký hợp đồng cung cấp dịch vụ internet cho khách hàng X trong 1 năm (bắt đầu từ ngày 1/03/2023) với mức phí 400.000 đồng/tháng và tiền sẽ thu hết một lần vào ngày kết thúc hợp đồng (29/02/2024). Kế toán công ty FPT ghi nhận bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán năm, kết thúc vào ngày 31/12/2023 như thế nào?

A. Nợ TK 131 4.000.000

Có TK 511 4.000.000

B. Nợ TK 112 4.000.000

Có TK 511 4.000.000

C. Nợ TK 3387 400.000

Có TK 511 400.000

D. Nợ TK 131 400.000

Có TK 511 400.000

ANSWER: A

Câu 16: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Ngày 1/1/2023, công ty An Thái mua một 1 máy bán hàng tự động sử dụng cho bộ phận bán hàng với giá 65.000.000 đồng, chi phí vận chuyển 1.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm. Kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán năm kết thúc vào ngày 31/12/2023 như thế nào?

A. Nợ TK 641 13.200.000

	Có TK 214	13.200.000
B. Nợ TK 642	13.200.000	
	Có TK 214	13.200.000
C. Nợ TK 641	13.000.000	
	Có TK 214	13.000.000
D. Nợ TK 642	13.000.000	
	Có TK 214	13.000.000

ANSWER: A

Câu: Ngày 1/7/2023, công ty An Thái mua một 1 máy bán hàng tự động sử dụng cho bộ phận bán hàng với giá 65.000.000 đồng, chi phí vận chuyển 1.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm. Kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán năm kết thúc vào ngày 31/12/2023 như thế nào?

A. Nợ TK 641	6.600.000	
	Có TK 214	6.600.000
B. Nợ TK 642	6.600.000	
	Có TK 214	6.600.000
C. Nợ TK 641	6.500.000	
	Có TK 214	6.500.000
D. Nợ TK 642	6.500.000	
	Có TK 214	6.500.000

ANSWER: A

Câu 17: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về tài khoản “Phải thu khách hàng”

- A. Là tài sản của doanh nghiệp nhưng đang bị đơn vị khác sử dụng
- B. Không phải là tài sản của doanh nghiệp
- C. Không phải là tài sản của doanh nghiệp vì tài sản của doanh nghiệp phải ở tại doanh nghiệp
- D. Không chắc chắn là tài sản của doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu: Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về tài khoản “Phải trả người bán”

- A. Là một loại nguồn vốn góp phần hình thành nên tài sản của doanh nghiệp
- B. Là tài sản của doanh nghiệp

C. Không phải là nguồn hình thành nên tài sản của doanh nghiệp

D. Là nguồn hình thành nên tài sản của doanh nghiệp nên doanh nghiệp không cần thanh toán cho người bán

ANSWER: A

Câu 18: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Công ty Linh Anh có số liệu về hàng hóa A trong tháng 10/2023 như sau:

Tồn đầu kỳ : 20 sản phẩm, đơn giá 200.000 đ/sản phẩm.

Trong kỳ:

- Ngày 2/10 nhập kho 50 sản phẩm , đơn giá 205.000đ/sản phẩm.
- Ngày 10/10 nhập kho 20 sản phẩm, đơn giá 190.000đ/sản phẩm.
- Ngày 25/10 xuất kho 40 sản phẩm.
- Ngày 26/10 nhập kho 10 sản phẩm, đơn giá 210.000đ/sản phẩm.

Trị giá vật liệu xuất kho ngày 25/10 theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

- A. 8.100.000 đồng
- B. 8.000.000 đồng
- C. 8.200.000 đồng
- D. 8.050.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Công ty Linh Anh có số liệu về hàng hóa A trong tháng 10/2023 như sau:

Tồn đầu kỳ : 30 sản phẩm, đơn giá 200.000 đ/sản phẩm.

Trong kỳ:

- Ngày 2/10 nhập kho 50 sản phẩm , đơn giá 205.000đ/sản phẩm.
- Ngày 10/10 nhập kho 20 sản phẩm, đơn giá 190.000đ/sản phẩm.
- Ngày 25/10 xuất kho 40 sản phẩm.
- Ngày 26/10 nhập kho 10 sản phẩm, đơn giá 210.000đ/sản phẩm.

Trị giá vật liệu xuất kho ngày 25/10 theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

- A. 8.050.000 đồng
- B. 8.000.000 đồng
- C. 8.200.000 đồng
- D. 8.100.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19: (random 1 trong 2 câu)

Câu : Công ty Minh Anh mua hàng hóa nhập kho với thông tin chi tiết sau: 60 quạt hơi nước, giá mua 4.000.000 đồng/cái. Do mua với số lượng nhiều nên công ty được hưởng chiết khấu 2% trên giá mua. Công ty chưa thanh toán tiền hàng cho người bán. Chi phí vận chuyển hàng về kho đã thanh toán bằng tiền mặt 2.000.000 đồng. Hãy xác định giá trị nhập kho của lô hàng này.

- A. 237.200.000 đồng
- B. 242.000.000 đồng
- C. 235.200.000 đồng
- D. 240.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu : Công ty Minh Anh mua hàng hóa nhập kho với thông tin chi tiết sau: 70 quạt hơi nước, giá mua 4.000.000 đồng/cái. Do mua với số lượng nhiều nên công ty được hưởng chiết khấu 2% trên giá mua. Công ty chưa thanh toán tiền hàng cho người bán. Chi phí vận chuyển hàng về kho đã thanh toán bằng tiền mặt 2.000.000 đồng. Hãy xác định giá trị nhập kho của lô hàng này.

- A. 276.400.000 đồng
- B. 282.000.000 đồng
- C. 274.400.000 đồng
- D. 280.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20: (random 1 trong 2 câu)

Câu: Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ...:

- A. Trừ đi các khoản làm giảm trừ doanh thu
- B. Trừ đi giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng
- C. Trừ đi giá vốn hàng bán
- D. Trừ đi các khoản làm giảm trừ doanh thu và giá vốn hàng bán

ANSWER: A

Câu: Khoản nào dưới đây không phải là khoản làm giảm trừ doanh thu:

- A. Chiết khấu thanh toán
- B. Giảm giá hàng bán
- C. Hàng bán bị trả lại
- D. Chiết khấu thương mại

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (3.0 điểm) (Random 1 trong 2 câu)

Chọn 1 trong 2:

Công ty TNHH Thành Đô được thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/1/2023, công ty chuyên cung cấp đồng hồ thông minh

Một số thông tin tài chính và chính sách công ty như sau:

- Áp dụng kỳ kế toán tháng;
- Áp dụng hệ thống kê khai thường xuyên trong việc quản lý hàng tồn kho;
- Áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước trong việc tính và ghi nhận giá xuất kho;
- Số dư tại ngày 1/12/2023 của một số tài khoản kế toán tại công ty như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Tiền mặt	43.000.000	
Tiền gửi ngân hàng	520.000.000	
Hàng hóa	540.000.000	Đơn giá: 9.000.000/cái x 60 đồng hồ thông minh
Công cụ dụng cụ	27.000.000	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	200.000.000	
Vốn đầu tư của chủ ở hữu	550.000.000	
Phải trả công nhân viên	76.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100.000.000	

1. Ngày 1, chuyển khoản thanh toán tiền lương tháng trước cho nhân viên
2. Ngày 8 xuất kho một số công cụ trị giá 33.000.000 đồng sử dụng ngay tại bộ phận bán hàng trong tháng này
3. Ngày 19, xuất kho 1/3 số hàng hóa hiện có trong kho bán cho khách hàng với giá bán 12.000.000 đồng/máy, chưa thu tiền khách hàng
4. Ngày 30, nhận được thông báo từ phía ngân hàng VCB về số tiền lãi tiết kiệm tháng 12/2023 là 20.000.000 đồng, ngân hàng đã chuyển trả lãi vào tài khoản thanh toán của công ty.
5. Ngày 31: kế toán tính và ghi nhận chi phí tiền lương phải trả tháng này, cụ thể: lương nhân viên bán hàng 35.000.000 đồng, lương của các phòng ban quản lý doanh nghiệp 40.000.000 đồng

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12/2023

ĐÁP ÁN

I. (0.5 điểm)

Nợ TK 334 76.000.000

Có TK 112 76.000.000

2. (0.5 điểm)

Nợ TK 641 33.000.000

Có TK 153 33.000.000

3. Ghi nhận doanh thu bán hàng (0.5 điểm)

Nợ TK 131 240.000.000

Có TK 511 240.000.000

Ghi nhận giá vốn hàng bán (0.5 điểm)

Nợ TK 632 180.000.000

Có TK 156 180.000.000

4. (0.5 điểm)

Nợ TK 112 20.000.000

Có TK 515 20.000.000

5. (0.5 điểm)

Nợ TK 641 35.000.000

Nợ TK 642 40.000.000

Có TK 334 75.000.000

1b. Công ty TNHH Thành Đô được thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/1/2023, công ty chuyên nhập khẩu và phân phối các loại sữa cho trẻ em

Một số thông tin tài chính và chính sách công ty như sau:

- Áp dụng kỳ kế toán tháng;
- Áp dụng hệ thống kê khai thường xuyên trong việc quản lý hàng tồn kho;
- Áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước trong việc tính và ghi nhận giá xuất kho;
- Số dư tại ngày 1/12/2023 của một số tài khoản kế toán tại công ty như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Tiền mặt	48.000.000	
Tiền gửi ngân hàng	400.000.000	
Hàng hóa	450.000.000	Đơn giá: 500.000/hộp x 900 hộp
Công cụ dụng cụ	52.000.000	
Phải trả người bán	290.000.000	
Vốn đầu tư của chủ ở hữu	560.000.000	

Phải trả công nhân viên	130.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	140.000.000	

- Ngày 1**, chuyển khoản thanh toán nợ tháng trước cho người bán
- Ngày 5**, chuyển khoản thanh toán tiền lương tháng trước cho nhân viên
- Ngày 15**, xuất kho 1/3 số hàng hóa hiện có trong kho bán cho khách hàng với giá bán 900.000 đồng/hộp, thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng
- Ngày 20**, nhận được thông báo từ phía ngân hàng Vietinbank về số tiền lãi tiết kiệm tháng 12/2023 là 25.000.000 đồng, ngân hàng đã chuyển trả lãi vào tài khoản thanh toán của công ty.
- Ngày 31**: kê toán tính và ghi nhận chi phí tiền lương phải trả tháng này, cụ thể: lương nhân viên bán hàng 65.000.000 đồng, lương của các phòng ban quản lý doanh nghiệp 60.000.000 đồng

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12/2023

ĐÁP ÁN

1. (0.5 điểm)

Nợ TK 331 290.000.000
 Có TK 112 290.000.000

2. (0.5 điểm)

Nợ TK 334 130.000.000
 Có TK 112 130.000.000

3. Ghi nhận doanh thu bán hàng (0.5 điểm)

Nợ TK 131 270.000.000
 Có TK 511 270.000.000

Ghi nhận giá vốn hàng bán (0.5 điểm)

Nợ TK 632 150.000.000
 Có TK 156 150.000.000

4. (0.5 điểm)

Nợ TK 112 25.000.000
 Có TK 515 25.000.000

5. (0.5 điểm)

Nợ TK 641 65.000.000

Nợ TK 642 60.000.000
Có TK 334 125.000.000

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



ThS. Phan Minh Nguyệt

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Phạm Nguyễn Thanh Thủy